

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
DOMESCO**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch
Ông Alejandro Esteban WeinsteinManieu	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Trung Chánh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hóa	Thành viên
Ông Jose Guillermo Frugone Domke	Thành viên
Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Lương Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2014)
Ông Huỳnh Trung Chánh	Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nhã Phương	Phó Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Lương Thị Hương Giang

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Số: 145 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 28. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1503-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		703.150.267.847	713.042.270.001
I. Tiền	110		37.664.071.820	26.583.405.717
1. Tiền	111	4	37.664.071.820	26.583.405.717
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	30.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		331.464.982.438	334.627.844.209
1. Phải thu khách hàng	131		322.406.445.312	324.726.457.509
2. Trả trước cho người bán	132		7.658.560.696	5.874.683.390
3. Các khoản phải thu khác	135	5	5.979.367.891	8.528.765.627
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.579.391.461)	(4.502.062.317)
IV. Hàng tồn kho	140	6	323.592.461.657	312.071.736.606
1. Hàng tồn kho	141		324.190.647.297	312.071.736.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(598.185.640)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.428.751.932	9.759.283.469
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.099.538.231	2.751.500.087
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		241.977.743	881.116.934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		154.830.204	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	7.932.405.754	6.126.666.448
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		304.154.052.120	306.731.130.334
I. Tài sản cố định	220		278.691.595.013	283.511.372.844
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	224.346.445.728	227.192.731.395
- Nguyên giá	222		408.329.170.691	394.715.050.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183.982.724.963)	(167.522.318.990)
2. Tài sản vô hình	227	9	51.543.416.524	51.888.354.748
- Nguyên giá	228		55.189.739.470	54.892.739.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.646.322.946)	(3.004.384.722)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.801.732.761	4.430.286.701
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.239.801.652	11.531.142.437
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	20.626.000.000	20.626.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(9.386.198.348)	(9.094.857.563)
III. Tài sản dài hạn khác	260		14.222.655.455	11.688.615.053
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	8.984.686.768	6.784.049.278
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	5.237.968.687	4.904.565.775
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.007.304.319.967	1.019.773.400.335

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014


MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		348.216.031.232	389.208.261.991
I. Nợ ngắn hạn	310		346.574.417.556	386.985.482.162
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	89.312.113.384	108.760.969.774
2. Phải trả người bán	312		177.807.037.879	190.361.310.709
3. Người mua trả tiền trước	313		9.944.875.844	20.689.910.321
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	10.273.992.551	10.589.250.715
5. Phải trả người lao động	315		9.889.917.988	21.329.777.541
6. Chi phí phải trả	316	17	25.541.150.547	25.868.651.820
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	23.805.329.363	8.548.204.558
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	837.406.724
II. Nợ dài hạn	330		1.641.613.676	2.222.779.829
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.641.613.676	2.222.779.829
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		657.141.231.166	628.503.626.930
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	657.141.231.166	628.503.626.930
1. Vốn điều lệ	411		267.137.970.000	178.093.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		140.470.629.894	229.515.239.894
3. Quỹ đầu tư và phát triển	417		171.187.342.434	129.298.538.315
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.809.336.000	17.809.336.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		60.535.952.838	73.787.152.721
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	20	1.947.057.569	2.061.511.414
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+500)	600		1.007.304.319.967	1.019.773.400.335

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại
- Đô la Mỹ (USD)

Thuyết minh	30/06/2014	31/12/2013
		236.603,05


Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu


Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014



MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
			tới 30/6/2014	tới 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	851.769.702.664	705.325.131.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	79.526.132.713	65.856.993.641
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		772.243.569.951	639.468.137.482
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	561.557.548.065	447.365.588.367
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		210.686.021.886	192.102.549.115
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.172.085.082	2.027.680.407
7. Chi phí tài chính	22	27	4.850.708.551	6.185.067.346
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.819.612.392	2.565.936.993
8. Chi phí bán hàng	24		71.401.614.813	74.256.126.163
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		61.140.049.655	52.597.452.900
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		76.465.733.949	61.091.583.113
11. Thu nhập khác	31		4.972.487.419	1.134.339.545
12. Chi phí khác	32		6.773.623	23.370.216
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.965.713.796	1.110.969.329
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		81.431.447.745	62.202.552.442
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	17.343.351.664	11.144.117.296
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(333.402.912)	2.235.310.937
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		64.421.498.993	48.823.124.209
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số			(114.453.845)	(100.235.078)
- Lợi ích của cổ đông Công ty			64.535.952.838	48.923.359.287
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.705	2.747


Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu


Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		tới 30/6/2014	tới 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>81.431.447.745</i>	<i>62.202.552.442</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	17.102.344.197	14.894.666.144
Các khoản dự phòng	03	966.855.569	1.910.210.244
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	735.824.824	1.040.810.430
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.117.461.220)	(3.029.145.637)
Chi phí lãi vay	06	3.819.612.392	2.565.936.993
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>102.938.623.507</i>	<i>79.585.030.616</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	4.046.170.003	(1.645.428.118)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(12.118.910.691)	(60.037.158.770)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(41.587.908.080)	62.278.142.871
Thay đổi chi phí trả trước	12	586.677.607	1.025.934.788
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.925.220.760)	(2.547.232.785)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(17.562.290.865)	(20.113.571.764)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.398.015.450	1.512.558.718
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(19.218.963.400)	(7.558.771.704)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>14.556.192.771</i>	<i>52.499.503.852</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(15.144.517.202)	(9.450.797.859)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1.011.818.184
3. Tiền thu hồi đầu tư	26	30.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27	1.117.461.220	516.768.735
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>15.972.944.018</i>	<i>(7.922.210.940)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	117.572.252.333	81.258.848.716
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(137.021.108.723)	(90.464.284.329)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(12.466.535.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(19.448.856.390)</i>	<i>(21.671.970.813)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	11.080.280.399	22.905.322.099
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	26.583.405.717	37.317.855.539
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	385.705	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	37.664.071.820	60.223.177.638

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền 18.699.657.900 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 219.559.375 đồng) là số tiền cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền nên không trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.



Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 08 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400460395 ngày 30 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 11 tháng 6 năm 2014. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY vào ngày 04 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là DMC.

Trụ sở và nhà máy của Công ty mẹ đặt tại số 66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm-thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc; sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Công ty con

Công ty TNHH Domenol (gọi tắt là “công ty con”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401164085 ngày 23 tháng 12 năm 2009 và thay đổi lần 2 ngày 13 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, và giấy phép điều chỉnh.

Trụ sở và nhà máy của công ty con đặt tại Cụm Công nghệ Dược Kỹ thuật cao Domesco, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của công ty con là sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các hóa chất cơ bản và các sản phẩm hóa chất khác phục vụ cho việc sản xuất công nghiệp.

Vốn góp của Công ty mẹ tại công ty con là 7.000.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 70% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại công ty con. Quyền sở hữu của Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của công ty con được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 20 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.275 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.271 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
 Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc thiết bị	2 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Phương tiện vận tải	2 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn, phần mềm máy tính và bản quyền sản xuất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Bản quyền sản xuất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ. Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ 02 đến 06 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	5.019.547.188	2.614.997.819
Tiền gửi ngân hàng	32.644.524.632	23.968.407.898
	<u>37.664.071.820</u>	<u>26.583.405.717</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu mua hàng	2.723.520.397	3.645.853.171
Phải thu thuế thu nhập cá nhân từ nhân viên	-	1.199.062.768
Các khoản phải thu khác	3.255.847.494	3.683.849.688
	<u>5.979.367.891</u>	<u>8.528.765.627</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng đi đường	28.219.625.487	29.054.525.537
Nguyên liệu, vật liệu	82.220.052.791	71.682.965.459
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.253.943.972	38.406.296.904
Thành phẩm	116.945.480.412	103.973.530.934
Hàng hóa	73.551.544.635	68.954.417.772
Cộng	<u>324.190.647.297</u>	<u>312.071.736.606</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(598.185.640)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>323.592.461.657</u>	<u>312.071.736.606</u>

Trong kỳ, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 598.185.640 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 0 đồng).

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	5.060.357.412	3.475.290.041
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.872.048.342	2.651.376.407
	<u>7.932.405.754</u>	<u>6.126.666.448</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	173.166.923.995	180.652.258.369	31.334.407.827	9.561.460.194	394.715.050.385
Tăng trong kỳ	-	1.261.004.136	4.404.170.909	-	5.665.175.045
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	6.800.177.444	920.045.090	228.722.727	7.948.945.261
Tại ngày 30/6/2014	173.166.923.995	188.713.439.949	36.658.623.826	9.790.182.921	408.329.170.691
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	50.637.721.916	94.658.240.915	15.180.701.808	7.045.654.351	167.522.318.990
Khấu hao trong kỳ	3.990.040.897	9.332.712.821	2.487.710.790	649.941.465	16.460.405.973
Tại ngày 30/6/2014	54.627.762.813	103.990.953.736	17.668.412.598	7.695.595.816	183.982.724.963
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2014	118.539.161.182	84.722.486.213	18.990.211.228	2.094.587.105	224.346.445.728
Tại ngày 01/01/2014	122.529.202.079	85.994.017.454	16.153.706.019	2.515.805.843	227.192.731.395

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 70.982.783.795 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 66.743.178.487 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền sản xuất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	51.753.032.828	1.710.801.880	1.428.904.762	54.892.739.470
Tăng trong năm	-	-	297.000.000	297.000.000
Tại ngày 30/6/2014	<u>51.753.032.828</u>	<u>1.710.801.880</u>	<u>1.725.904.762</u>	<u>55.189.739.470</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	1.652.437.508	1.130.063.087	221.884.127	3.004.384.722
Khấu hao trong năm	365.462.274	99.606.900	176.869.050	641.938.224
Tại ngày 30/6/2014	<u>2.017.899.782</u>	<u>1.229.669.987</u>	<u>398.753.177</u>	<u>3.646.322.946</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	<u>49.735.133.046</u>	<u>481.131.893</u>	<u>1.327.151.585</u>	<u>51.543.416.524</u>
Tại ngày 01/01/2014	<u>50.100.595.320</u>	<u>580.738.793</u>	<u>1.207.020.635</u>	<u>51.888.354.748</u>

Nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 697.218.128 đồng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí san lấp, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật	183.341.818	183.341.818
Nhà máy SX thuốc viên-cốm-bột	246.901.546	246.901.546
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu ở Tri Tôn	245.962.287	245.962.287
Nhà máy nước tinh khiết Cần Lố	146.591.576	146.591.576
Nhà máy sản xuất thuốc Nonbetalactam	235.249.091	235.249.091
Máy móc, thiết bị	1.234.249.659	2.862.803.599
Hệ thống xử lý nước thải - Trụ sở công ty	-	-
Khác	509.436.784	509.436.784
	<u>2.801.732.761</u>	<u>4.430.286.701</u>

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	626.000.000	626.000.000
Công ty CP Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
	<u>20.626.000.000</u>	<u>20.626.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

(*) Công ty đang nắm giữ 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương ứng với số tiền là 20 tỷ đồng và chiếm tỉ lệ 6,67% quyền sở hữu tại ngày kết thúc kỳ báo cáo của Công ty CP Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường theo Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

12. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	<u>(9.386.198.348)</u>	<u>(9.094.857.563)</u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ	6.353.562.161	4.288.213.664
Chi phí thuê cửa hàng, văn phòng	1.811.122.745	1.065.529.243
Chi phí sửa chữa	820.001.862	1.430.306.371
	<u>8.984.686.768</u>	<u>6.784.049.278</u>

14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	Chi phí phải trả <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	5.654.205.681
Ghi giảm lợi nhuận trong năm	<u>(749.639.906)</u>
Tại ngày 01/01/2014	4.904.565.775
Ghi tăng lợi nhuận trong kỳ	<u>333.402.912</u>
Tại ngày 30/6/2014	<u>5.237.968.687</u>

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	64.160.000.000	84.071.960.025
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	25.152.113.384	11.309.009.749
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	-	13.380.000.000
	<u>89.312.113.384</u>	<u>108.760.969.774</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính khác trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng với lãi suất từ 5,2% đến 6% hàng năm.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.033.209.964	275.556.404
Thuế tiêu thụ đặc biệt	161.998	60.102.976
Thuế xuất nhập khẩu	-	166.699.801
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.801.962.404	8.663.312.488
Thuế thu nhập cá nhân	86.203	1.182.751.818
Thuế tài nguyên	297.558	167.188
Các loại thuế khác	438.274.424	240.660.040
	<u>10.273.992.551</u>	<u>10.589.250.715</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hoa hồng bán hàng	25.075.213.141	25.197.429.011
Chi phí trích trước khác	363.694.330	463.371.365
Lãi vay trích trước	102.243.076	207.851.444
	<u>25.541.150.547</u>	<u>25.868.651.820</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	13.275.288	3.957.684.105
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.676.971.390	2.267.816.740
Phần còn lại của khoản trích 2% lợi nhuận sau thuế	552.119.533	1.034.804.601
Phải trả phải nộp khác	471.096.089	468.142.653
Sở Y Tế Lâm Đồng/ Chuyển nhằm tài khoản	302.947.785	302.947.785
Thù lao Hội đồng Quản trị	505.989.987	285.490.000
Cổ tức	18.919.217.275	219.559.375
Đại học Y Dược	6.000.000	6.000.000
Sở Khoa học Công nghệ Đồng Tháp/ Phần kinh phí còn lại của Dự án nấm Thái Dương	357.712.016	5.759.299
	<u>23.805.329.363</u>	<u>8.548.204.558</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty mẹ như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phần được phép phát hành	26.713.797	17.809.336
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	26.713.797	17.809.336
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ. Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ				Vốn đã góp	
	Tại ngày 30/06/2014		Tại ngày 31/12/2013		Tại ngày 30/06/2014	Tại ngày 31/12/2013
	Cổ phiếu	%	Cổ phiếu	%	VND	VND
Công ty TNHH CFR International Spa	12.271.530	45,94	8.181.020	45,94	122.715.300.000	81.810.200.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	9.272.667	34,71	6.181.778	34,71	92.726.670.000	61.817.780.000
Cổ đông khác	5.169.600	19,35	3.446.538	19,35	51.696.000.000	34.465.380.000
	26.713.797	100,00	17.809.336	100,00	267.137.970.000	178.093.360.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**MẪU B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2013	178.093.360.000	229.515.239.894	102.846.539.106	17.809.336.000	42.074.048.718	570.338.523.718
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	107.231.881.187	107.231.881.187
Phân phối quỹ	-	-	36.591.667.446 (9.466.965.927)	-	(36.591.667.446)	-
Hoàn nhập lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	9.466.965.927	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.435.103.747)	(7.435.103.747)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(39.180.539.200)	(39.180.539.200)
Chi đào tạo	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Quỹ khác	-	-	117.660.000 (790.362.310)	-	721.567.282 (790.362.310)	839.227.282 (790.362.310)
Khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2014	178.093.360.000	229.515.239.894	129.298.538.315	17.809.336.000	73.787.152.721	628.503.626.930
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	64.421.498.993	64.421.498.993
Tăng vốn trong năm	89.044.610.000	(89.044.610.000)	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	41.179.478.967	-	(41.179.478.967)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.400.173.510)	(14.400.173.510)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(18.699.657.900)	(18.699.657.900)
Trích thù lao HĐQT & Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tăng khác	-	-	855.295.000 (145.969.848)	-	114.453.845 (1.007.842.344)	969.748.845 (1.153.812.192)
Chi khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2014	267.137.970.000	140.470.629.894	171.187.342.434	17.809.336.000	60.535.952.838	657.141.231.166

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHCĐ-DMC thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013, cụ thể:

- a) Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi là 15.900.173.510 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013. Theo đó, số tiền tạm trích trong năm 2013 là 5.500.000.000 đồng và trích thêm trong năm 2014 là 10.400.173.510 đồng. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đã tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 với số tiền là 4.000.000.000 đồng trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.
- b) Trích lập Quỹ đầu tư phát triển là 41.179.478.979 đồng và thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát là 2.500.000.000 đồng.
- c) Chia cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt với số tiền là 45.413.661.900 đồng (đã tạm chi trả trong năm 2013 là 26.714.004.000 đồng). Trong kỳ, Công ty chưa chi trả thêm cổ tức bằng tiền mặt còn lại và đang ghi nhận ở khoản phải trả khác với số tiền là 18.699.657.900 đồng.

Trong kỳ, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 26/NQ-ĐHCĐ-DMC ngày 17 tháng 12 năm 2013 cho các cổ động hiện hữu với số lượng cổ phần phát hành thêm là 8.904.461 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần tương đương với 89.044.610.000 đồng và Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn này tại ngày 27 tháng 02 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại Công ty TNHH Domenol được xác định như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vốn góp của Công ty con	10.000.000.000	10.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn phân bổ cho Công ty	7.000.000.000	7.000.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>30%</u>	<u>30%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng tài sản	10.961.848.466	11.245.505.898
Tổng nợ phải trả	<u>(4.471.656.570)</u>	<u>(4.373.801.184)</u>
Tài sản thuần	<u>6.490.191.896</u>	<u>6.871.704.714</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	10.000.000.000	10.000.000.000
Lỗi lũy kế	(3.509.808.104)	(3.128.295.286)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.947.057.569	2.061.511.414
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	3.000.000.000	3.000.000.000
Lỗi chưa phân phối	<u>(1.052.942.431)</u>	<u>(938.488.586)</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lỗi trong năm	(381.512.818)	(334.116.925)
Lỗi của cổ đông thiểu số	<u>(114.453.845)</u>	<u>(100.235.078)</u>

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Doanh thu sản xuất thuốc	632.447.847.675	516.912.495.033
Doanh thu bán hàng hóa	213.006.621.398	182.710.378.241
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.625.773.144	3.540.166.965
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	2.659.823.429	1.939.755.673
Doanh thu sản xuất rượu	29.637.018	222.335.211
	851.769.702.664	705.325.131.123

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chiết khấu thương mại	77.796.646.588	64.443.313.478
Hàng bán bị trả lại	1.713.914.177	1.344.115.765
Thuế tiêu thụ đặc biệt	15.571.948	69.564.398
	79.526.132.713	65.856.993.641

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	202.627.674.287	168.141.000.772
Giá vốn sản xuất thuốc	357.562.537.583	277.946.653.775
Giá vốn sản xuất nước tinh khiết	1.332.928.719	1.127.844.841
Giá vốn sản xuất rượu	34.407.476	150.088.979
	561.557.548.065	447.365.588.367

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	523.073.863.703	413.336.146.456
Chi phí nhân công	74.256.922.756	64.787.825.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.102.344.197	14.894.666.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.263.285.270	67.792.128.230
Chi phí khác	12.815.358.182	14.379.244.881
	693.511.774.108	575.190.011.430

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chiết khấu	2.037.214.774	1.500.558.718
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.117.461.220	516.768.735
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.346.262	10.342.915
Khác	15.062.826	10.039
	3.172.085.082	2.027.680.407

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền vay	3.819.612.392	2.565.936.993
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	291.340.785	2.443.119.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.930.550	134.688.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	735.824.824	1.040.810.430
Chi phí tài chính khác	-	512.061
	4.850.708.551	6.185.067.346

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	81.431.447.745	62.202.552.442
Cộng :	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	(2.450.056.580)	(6.815.099.217)
Lỗ từ công ty con	381.512.818	333.133.254
Trừ:	-	-
Thu nhập không chịu thuế	113.844.982	-
Thu nhập chịu thuế	79.249.059.001	55.720.586.479
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	17.343.351.664	11.144.117.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế trong kỳ (năm 2013: thuế suất là 20% cho hoạt động sản xuất thuốc và 25% cho các hoạt động kinh doanh khác).

Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và 22% trong các năm tiếp theo. Công ty con được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Công ty con không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty con không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty con có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 2.973.355.442 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.814.290.196 đồng) có thể dùng để bù trừ lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do không chắc chắn về các khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi ích từ các khoản chuyển lỗ của Công ty con sẽ hết hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Lỗ tính thuế VND
2016	1.067.518.208
2017	1.083.214.729
2018	663.557.259
2019	159.065.246
	2.973.355.442

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	30/6/2014 VND	30/06/2013 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ	64.535.952.838	48.923.359.287
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	23.860.434	17.809.336
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.705	2.747

Như đã nêu tại Thuyết minh số 19, Công ty đã phát hành thêm 8.904.461 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu vào ngày 27 tháng 02 năm 2014. Theo đó, Công ty có phát sinh các yếu tố ảnh hưởng đến lãi suy giảm trên cổ phiếu như sau:

Lãi suy giảm trên sổ phiếu

	30/6/2014 VND
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	64.535.952.838
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.809.336
Cổ phần phát sinh thêm trong 6 tháng đầu năm 2014	6.051.098
Số cổ phần phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phần	23.860.434
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phần)	919

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	<u>743.746.130</u>	<u>1.439.490.143</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	683.100.000	686.400.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>379.400.000</u>	<u>719.300.000</u>
	<u>1.062.500.000</u>	<u>1.405.700.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng và nhà thuốc cho các đại lý bán hàng. Các hợp đồng thuê khác được ký kết từ 6 tháng đến 5 năm.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	89.312.113.384	108.760.969.774
Trừ: Tiền	37.664.071.820	26.583.405.717
Nợ thuần	51.648.041.564	82.177.564.057
Vốn chủ sở hữu	<u>657.141.231.166</u>	<u>628.503.626.930</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,08</u>	<u>0,13</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	37.664.071.820	26.583.405.717
Đầu tư ngắn hạn	-	30.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	323.806.421.742	328.753.160.819
Ký quỹ, ký cược	2.872.048.342	2.651.376.407
Đầu tư dài hạn khác	626.000.000	626.000.000
Tổng cộng	364.968.541.904	388.613.942.943
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	89.312.113.384	108.760.969.774
Phải trả người bán và phải trả khác	201.599.091.954	194.951.831.162
Chi phí phải trả	25.541.150.547	25.868.651.820
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	1.641.613.676	2.222.779.829
Tổng cộng	318.093.969.561	331.804.232.585

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Tài sản		Công nợ	
	30/06/2014	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	2.332.496.681	4.982.610.336	104.411.933.959	87.761.544.922
Đồng Euro (EUR)	547.743.750	-	2.649.973.746	12.083.391.414

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	5.103.971.864	4.492.071.585

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty khác như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền	26.583.405.717	-	26.583.405.717
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	328.753.160.819	-	328.753.160.819
Ký quỹ, ký cược	2.651.376.407	-	2.651.376.407
Đầu tư dài hạn khác	-	626.000.000	626.000.000
Tổng cộng	387.987.942.943	626.000.000	388.613.942.943
Tại ngày 31/12/2013			
Các khoản vay	108.760.969.774	-	108.760.969.774
Phải trả người bán và phải trả khác	194.951.831.162	-	194.951.831.162
Chi phí phải trả	25.868.651.820	-	25.868.651.820
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	-	2.222.779.829	2.222.779.829
Tổng cộng	329.581.452.756	2.222.779.829	331.804.232.585
Chênh lệch thanh khoản thuần	58.406.490.187	(1.596.779.829)	56.809.710.358
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/6/2014			
Tiền	37.664.071.820	-	37.664.071.820
Phải thu khách hàng và phải thu khác	323.806.421.742	-	323.806.421.742
Ký quỹ, ký cược	2.872.048.342	-	2.872.048.342
Đầu tư dài hạn khác	-	626.000.000	626.000.000
Tổng cộng	364.342.541.904	626.000.000	364.968.541.904
Tại ngày 30/6/2014			
Các khoản vay	89.312.113.384	-	89.312.113.384
Phải trả người bán và phải trả khác	201.599.091.954	-	201.599.091.954
Chi phí phải trả	25.541.150.547	-	25.541.150.547
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	-	1.641.613.676	1.641.613.676
Tổng cộng	316.452.355.885	1.641.613.676	318.093.969.561
Chênh lệch thanh khoản thuần	47.890.186.019	(1.015.613.676)	46.874.572.343

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Công ty TNHH CFR International Spa		
Mua hàng	<u>23.427.146.667</u>	<u>-</u>
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua hàng	<u>145.863.000</u>	<u>-</u>
Số dư với các bên liên quan:		
	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	<u>-</u>	<u>20.000.000.000</u>
Phải trả		
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	69.135.000	-
Công ty TNHH CFR International Spa	<u>48.976.738.765</u>	<u>43.791.365.587</u>

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>1.591.843.280</u>	<u>1.847.539.658</u>



Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu

Phạm Ngọc Tuyên
Kế toán trưởng



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Số: 884 CV/ KT/DMC

V/v giải trình số liệu trước và sau
kiểm toán của Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Tp. Cao Lãnh Ngày 25 tháng 08 năm 2014

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Căn cứ vào Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nay, Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Domesco (Mã CK: DMC) giải trình về việc số liệu tài chính trên Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất cho 6 tháng đầu năm 2014 do Công ty CBTT khác với BCTC kiểm toán chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Mã	Số liệu sau kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch	
				Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu thuần về bán hàng và CC D.vụ	10	772.243.569.951	772.243.569.951	-	0,00%
Giá vốn hàng bán	11	561.557.548.065	560.959.362.425	598.185.640	0,11%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC D.vụ	20	210.686.021.886	211.284.207.526	(598.185.640)	-0,28%
Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.172.085.082	3.172.085.082	-	0,00%
Chi phí tài chính	22	4.850.708.551	4.559.367.766	291.340.785	6,39%
Chi phí bán hàng	24	71.401.614.813	71.397.127.313	4.487.500	0,01%
Chi phí quản lý DN	25	61.140.049.655	63.749.508.893	(2.609.459.238)	-4,09%
Tổng lợi nhuận trước thuế	50	81.431.447.745	79.716.002.432	1.715.445.313	2,15%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	64.421.498.993	62.099.757.646	2.321.741.347	3,74%
Lợi ích của CĐ Công ty	60	64.535.952.838	62.202.362.793	2.333.590.045	3,75%
Lãi cơ bản/cổ phiếu (EPS)*	70	2.705	2.328	377	16,19%

*EPS=64.535.952.838 đồng /[(17.809.336 x 181 ngày+8.904.461x123ngày)/181ngày]
(Ngày niêm yết cổ phiếu bổ sung có hiệu lực ngày 26/02/2014).

- Giá vốn hàng bán tăng: 598.185.640 đồng do dự phòng giảm giá hàng tồn kho làm cho lợi nhuận gộp giảm ở mức tương ứng.
- Chi phí tài chính tăng: 291.340.785 đồng là do trích lập thêm dự phòng tài chính dài hạn.
- Chi phí bán hàng tăng: 4.487.500 đồng là do tăng thêm chi phí tiền lương bán hàng của Công ty con.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: khoản phí này giảm 2.644.467.400 đồng là do hoàn nhập lại khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Đồng thời tăng 35.008.162 đồng là do Công ty con tăng phí khấu hao, trích trước phí kiểm toán và tiền lương 2014.



Với những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty trong Báo cáo kiểm toán cao hơn so với báo cáo trước kiểm toán.

Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Y Tế DOMESCO xin giải trình,

Trân trọng kính chào ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

CTCP XNK Y TẾ DOMESCO

Người Công Bố Thông Tin

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hòa

